**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 6 – SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

**THỜI ĐIỂM KIỂM TRA: CUỐI HỌC KÌ II**

**MẠCH KIẾN THỨC: 100% TỰ LUẬN (ĐẠI SỐ:60%; HÌNH HỌC:20%; SXTK:20%)**

**1. Số lượng, dạng thức, thời gian**

+ Số lượng đề: 01.

+ Thời gian làm bài: 90 phút.

+ Hình thức: 100% tự luận.

- Phần tự luận gồm 08 câu:

. Câu 1a,b: 1,0 điểm (mỗi ý 0,5 điểm ).

. Câu 2a,b: 1,0 điểm (mỗi ý 0,5 điểm ).

. Câu 3a,b: 1,0 điểm (mỗi ý 0,5 điểm ).

. Câu 4a,b,c: 1,5 điểm (mỗi ý a,b 0,5 điểm, ý c 0,5 điểm).

. Câu 5: 1,5 điểm .

. Câu 6: 0,5 điểm.

. Câu 7a,b: 1,5 điểm ( ý a 1 điểm, ý b 0,5 điểm ).

. Câu 8a,b: 2,0 điểm (mỗi ý 1,0 điểm ).

**2. Tỉ trọng nội dung và các mức độ đánh giá**

+ Tổng điểm toàn đề: 10 điểm.

+ Thang đánh giá bốn mức độ: .

**3. Yêu cầu cần đạt cốt lõi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành tố của NL Toán học, biểu hiện liên quan đến thành tố của NL Toán học** | | **Nội dung, yêu cầu cần đạt tương ứng (Trình bày theo thứ tự câu hỏi trong đề kiểm tra).** | |
| TD | Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí để so sánh hai phân số. | Phân số. | So sánh được hai phân số cùng mẫu, khác mẫu. |
| GQVĐ | Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết bài toán về làm tròn và ước lượng kết quả số thập phân. | Số thập phân. | Biết cách làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả. |
| TD | Thực hiện được lập luận hợp lý. | Rút gọn phân số. | Rút gọn phân số theo nhiều cách khác nhau.. |
| TD | Sử dụng được quy tắc đối phân số ra hỗn số hoặc ngược lại. | Phân số. | Đổi được phân số ra hỗn số hoặc ngược lại. |
| GQVĐ | Biết cách tìm tỉ số, tỉ số phần trăm trong một bài toán thực tế có lời giải. | Tỉ số. Tỉ số phần trăm. | Tìm tỉ số, tỉ số phần trăm. |
| TD | Biết lập luận hợp lý để thực hiện các phép tính phân số. | Các phép tính về phân số, số thập phân. | Áp dụng các quy tắc của phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia để tính toán các phân số, số thập phân. |
| TD - GQVĐ | Biết lập luận bài toán thực tế về tỉ số phần trăm, giá trị phân số. | Bài toán về giá trị phân số. | Tính giá trị phân số của một số cho trước. |
| TD - CC | Sử dụng được công cụ học Toán như Thước kẻ, ê ke, bút, .. để vẽ được đoạn thẳng. Sử dụng các khái niệm đã học để vẽ và xác định được trung điểm đoạn thẳng. | Đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng | Vẽ đoạn thẳng - Xác định được trung điểm của đoạn thẳng. |
| TD - CC | Sử dụng được công cụ học Toán như Thước kẻ, ê ke, bút, .. để Vẽ được góc. Sử dụng đúng các kí hiệu về góc. Xác định đúng các góc đặc biệt. | Góc. Số đo góc. Các góc đặc biệt | Vẽ góc – Xác định được các góc đặc biệt. |
| MHH, GQVĐ | Phép thử nghiệm – Áp dụng công thức để tính xác suất thực nghiệm. | Phép thử nghiệm – Xác suất thực nghiệm. | Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn . |

**4. Ma trận phân bố câu hỏi và mức độ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **1. Phân số.** | *Số câu* |  | 2 | 2 |  | **4** |
| *Số điểm* |  | 1,0 | 1,0 |  | **2,0** |
| *Câu số* |  | 1b; 2a | 4 a,b |  |  |
| *Thành tố năng lực* |  | TD | TD – GQVĐ |  |  |
| **2. Số thập phân.** | *Số câu* | 1 | 3 | 3 |  | **7** |
| *Số điểm* | 0,5 | 1,5 | 2,0 |  | **4,0** |
| *Câu số* | 1a | 2b; 3a,b | 4c; 5a,b |  |  |
| *Thành tố năng lực* | GQVĐ | TD - GQVĐ | TD – GQVĐ |  |  |
| **3. Các hình hình học cơ bản** | *Số câu* | 3 | 1 |  |  | **4** |
| *Số điểm* | 1,5 | 0,5 |  |  | **2,0** |
| *Câu số* | 6a,b; 7a | 7b |  |  |  |
| *Thành tố năng lực* | TD | TD |  |  |  |
| **4. Một số yếu tố xác suất** | *Số câu* |  |  | 1 | 1 | **2** |
| *Số điểm* |  |  | 1,0 | 1,0 | **2,0** |
| *Câu số* |  |  | 8a | 8c |  |
| *Thành tố năng lực* |  |  | MHH - GQVĐ | MHH - GQVĐ |  |
| **Tổng** | **Điểm** | **2,00** | **3,00** | **4,00** | **1,00** | **10** |
| **%** | **20%** | **30%** | **40%** | **10%** | **100%** |

**Ghi chú:**

TD: Năng lực TD và LL toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 1b; 2a,b; 4a,b,c; 6a,b; 7a,b

GQVĐ: Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 1a; 3a,b; 5a,b; 8

MHH: Năng lực mô hình hóa Toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 8;

CC: Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học Toán

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 6a,b; 7a,b

--------- HẾT ---------

**5. Phần đề bài và đáp án.**

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1: *(1 điểm)* \_TH,NB\_** Sắp xếp các số (phân số) sau theo thứ tự tăng dần:

**a) **

**b)** 

**Câu 2: *(1 điểm)* \_TH,TH\_** Thực hiện phép tính

**a)** 

**b) **

**Câu 3: *(1 điểm)* \_TH\_**

**a)** Làm tròn số sau đến hàng phần mười: 

**b)** Mẹ cho An tờ tiền  đồng để mua gạo. Giá mỗi kilogam gạo là  đồng. Hỏi với số tiền đó, An có đủ tiền để mua kg gạo không?

**Câu 4: *( 1,5 điểm)* \_VD\_**

**a)** Tìm , biết:

**b)** Rút gọn phân số sau:****

**c)** Trong  kg nước biển có  kg muối. Tính tỉ số phần trăm của muối trong nước biển ?

**Câu 5: *(1,5 điểm)* \_VD\_**. Vườn nhà bạn Mai trồng tất cả 120 cây ăn quả bao gồm bốn loại cây là xoài, mít, táo và bưởi. Số cây xoài bằng  tổng số cây trong vườn, số cây mít bằng 40% tổng số cây trong vườn. Số cây táo bằng  tổng số cây xoài và cây mít, còn lại là số cây bưởi. Hỏi nhà bạn Mai trồng mỗi loại bao nhiêu cây ?

**Câu 6 ( 0,5 điểm) – NB-** Vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

Vẽvà vẽ điểmnằm trong góc đó, điểm  lần lượt nằm trên 2 tia  sao cho 3 điểm  thẳng hàng.

**Câu 7 ( 1,5 điểm )** **– NB, TH**- Cho đoạn thẳng  hai điểm và  theo thứ tự là trung điểm của đoạn thẳng .

**a)** Hãy tìm độ dài các đoạn thẳng .

**b)** Trên tia đối của tia lấy điểm sao cho . Điểm  có là trung điểm của  không? Vì sao?

**Câu 8: ( 2 điểm) \_VD,VDC\_**  Gieo một con xúc xắc  mặt  lần và quan sát số ghi trên đỉnh của con xúc xắc, ta được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số xuất hiện | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số lần | 8 | 7 | 3 | 12 | 10 | 10 |

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:

**a)** Gieo được đỉnh số 

**b)** Gieo được đỉnh số lẻ.

**------ (Hết đề) ------**

**ĐÁP ÁN**

**Hướng dẫn giải chi tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung đáp án** | **Thang điểm** |
| **1** | **a** | a)  Vì  nên    Hay  Vậy thứ tự tăng dần là: | 0,25  0,25 |
| **b** | b) Ta có:  Vậy thứ tự tăng dần là: | 0,25  0,25 |
| **2** | **a** |  | 0,25  0,25 |
| **b** |  | 0,25  0,25 |
| **3** | **a** | Làm tròn số trên đến hàng phần mười được kết quả là | 1 |
| **b** | An ước tính cân nặng gạo là kg thì số tiền phải trả là:  (đồng)  Như vậy, khi mua thì cần số tiền nhỏ hơn đồng.  Vậy An đủ tiền để mua số gạo đó. | 1 |
| **4** | **a** | Vậy . | 0,25  0,25 |
| **b** |  | 0,5 |
| **c** | Tỉ số phần trăm của muối trong nước biển là | 0,5 |
| **5** |  | Số cây xoài trong vườn nhà Mai là  (cây)  Số cây mít trong vườn nhà Mai là  (cây)  Tổng số cây xoài và mít là  (cây)  Số cây táo trong vườn nhà Mai là  (cây)  Số cây bưởi trong vườn nhà Mai là  (cây)  Vậy nhà Mai trông số cây xoài, mít, táo, bưởi lần lượt là :  cây,  cây,  cây, cây. | 0,5  0,5  0,5 |
| **6** |  |  | 0,5 |
| **7** |  | Ta có  là trung điểm đoạn thẳng nên**:**  (cm)  Ta có  là trung điểm đoạn thẳng nên**:**  (cm)  Từ hình vẽ ta có điểm  nằm giữa 2 điểm  và  Nên ta có: (cm)  Vậy  (cm) | 0,25  0,75 |
| **b** | Ta có:  Từ hình vẽ ta có điểm  nằm giữa 2 điểm  và  Suy ra  là trung điểm của | 0,5 |
| **8** | **a** | Xác suất gieo được đỉnh số là | 0,5 |
| **b** | Số lần suất hiện số đỉnh lẻ là  (lần)  Xác suất gieo được đỉnh số lẻ: | 0,5 |

--------- HẾT ---------

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com